

**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: **Lý thuyết/ Thực hành**

Phòng: **52**

Mã lớp: **251\_IFTE0111\_07**

Ngày đánh giá: **21/9/2025**

Ca đánh giá: **3**

Hội trường: **G503**

| STT | SBD   | Họ và tên       |        | Mã SV     | Lớp HC   | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|-----------------|--------|-----------|----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 14959 | Nguyễn Văn      | An     | 25T100029 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 2   | 14960 | Nguyễn Tấn      | Anh    | 25T100001 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 3   | 14961 | Đàm Phương      | Anh    | 25T100015 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 4   | 14962 | Nguyễn Thị Lan  | Anh    | 25T100025 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 5   | 14963 | Nguyễn Thị Lan  | Anh    | 25T100035 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 6   | 14964 | Nguyễn Thị Thu  | Chang  | 25T100024 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 7   | 14965 | Nguyễn Tấn      | Đông   | 25T100028 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 8   | 14966 | Nhiếp Thị Thu   | Hà     | 25T100022 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 9   | 14967 | Trần Nam        | Hải    | 25T100036 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 10  | 14968 | Nguyễn Thị      | Hằng   | 25T100010 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 11  | 14969 | Nguyễn Thị      | Hồng   | 25T100011 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 12  | 14970 | Tổng Thị Hoa    | Huệ    | 25T100019 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 13  | 14971 | Trần Ngọc Việt  | Hung   | 25T100033 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 14  | 14972 | Bùi Thị Lan     | Hương  | 25T100021 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 15  | 14973 | Lê Thị          | Mai    | 25T100026 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 16  | 14974 | Lê Thị Hồng     | Mơ     | 25T100002 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 17  | 14975 | Nguyễn Đăng     | Nam    | 25T100014 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 18  | 14976 | Trần Thị Bích   | Ngọc   | 25T100039 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 19  | 14977 | Nguyễn Thị Lệ   | Nhi    | 25T100023 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 20  | 14978 | Ma Văn          | Phú    | 25T100016 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 21  | 14979 | Ngô Lan         | Phương | 25T100012 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 22  | 14980 | Nguyễn Thị Bích | Phương | 25T100032 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 23  | 14981 | Lê Hoàng        | Quý    | 25T100013 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 24  | 14982 | Trần Ngọc       | Son    | 25T100018 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 25  | 14983 | Phạm Hữu        | Thắng  | 25T100005 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 26  | 14984 | Nguyễn Chiến    | Thắng  | 25T100020 | K7ATX1HN |       |         |        |         |

|    |       |             |        |           |          |  |  |  |  |
|----|-------|-------------|--------|-----------|----------|--|--|--|--|
| 27 | 14985 | Trần Công   | Thành  | 25T100004 | K7ATX1HN |  |  |  |  |
| 28 | 14986 | Dương Quang | Trường | 25T100006 | K7ATX1HN |  |  |  |  |

Xác nhận: 28

Có mặt:..... Vắng:.....

Số file phần thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

**Cán bộ 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**ĐẠI HỌC**  
**THƯƠNG MẠI**  
**GS, TS Nguyễn Hoàng Việt**



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: Lý thuyết/ Thực hành

Phòng: 53

Mã lớp: 251\_IFTE0111\_08

Ngày đánh giá: 21/9/2025

Ca đánh giá: 4

Hội trường: G302

| STT | SBD   | Họ và tên             | Mã SV     | Lớp HC   | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|-----------------------|-----------|----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 14987 | Trần Ngọc Tú          | 25T100007 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 2   | 14988 | Nguyễn Thị Cẩm Vân    | 25T100030 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 3   | 14989 | Nguyễn Trịnh Vũ       | 25T100009 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 4   | 14990 | Hoàng Yến             | 25T100017 | K7ATX1HN |       |         |        |         |
| 5   | 14991 | Lê Thị Vân Anh        | 25T120003 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 6   | 14992 | Nguyễn Thị Hoàng Anh  | 25T120017 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 7   | 14993 | Nguyễn Thị Phương Anh | 25T120023 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 8   | 14994 | Đào Hoàng Anh         | 25T120033 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 9   | 14995 | Ngô Kim Chi           | 25T120027 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 10  | 14996 | Nguyễn Thắng Cơ       | 25T120011 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 11  | 14997 | Hoàng Ngọc Diễm       | 25T120031 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 12  | 14998 | Bùi Thị Xuân Diệu     | 25T120024 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 13  | 14999 | Đỗ Hương Giang        | 25T120013 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 14  | 15000 | Hoàng Nhật Hà         | 25T120001 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 15  | 15001 | Đào Thị Thu Hằng      | 25T120007 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 16  | 15002 | Đặng Thị Mỹ Hạnh      | 25T120005 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 17  | 15003 | Phan Thị Huệ          | 25T120026 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 18  | 15004 | Trần Thanh Hương      | 25T120020 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 19  | 15005 | Vũ Đức Khánh          | 25T120008 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 20  | 15006 | Lê Tuấn Kiệt          | 25T120038 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 21  | 15007 | Hoàng Khánh Linh      | 25T120004 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 22  | 15008 | Nguyễn Khánh Linh     | 25T120018 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 23  | 15009 | Nguyễn Hương Ly       | 25T120002 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 24  | 15010 | Nguyễn Ngọc Mai       | 25T120021 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 25  | 15011 | Nguyễn Hà Phương      | 25T120039 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 26  | 15012 | Trần Hồng Quân        | 25T120019 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 27  | 15013 | Vũ Diễm Quỳnh         | 25T120035 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 28  | 15014 | Bùi Thị Thắm          | 25T120034 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 29  | 15015 | Đinh Thị Thiết        | 25T120025 | K7CTX1HN |       |         |        |         |
| 30  | 15016 | Trần Văn Thọ          | 25T120016 | K7CTX1HN |       |         |        |         |

|    |       |                 |       |           |           |  |  |  |  |
|----|-------|-----------------|-------|-----------|-----------|--|--|--|--|
| 31 | 15017 | Nguyễn Thị Minh | Thúy  | 25T120012 | K7CTX1HN  |  |  |  |  |
| 32 | 15018 | Doãn Thị        | Trang | 25T120040 | K7CTX1HN  |  |  |  |  |
| 33 | 15019 | Trần Xuân       | Tùng  | 25T120006 | K7CTX1HN  |  |  |  |  |
| 34 | 15020 | Lê Thanh        | Tùng  | 25T120009 | K7CTX1HN  |  |  |  |  |
| 35 | 15021 | Trần Hải        | Yến   | 25T120028 | K7CTX1HN  |  |  |  |  |
| 36 | 15022 | Đặng Thị Mai    | Anh   | 25T300018 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 37 | 15023 | Phạm Thị        | Anh   | 25T300025 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 38 | 15024 | Trần Phương     | Anh   | 25T300037 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 39 | 15025 | Phùng Hoàng     | Bắc   | 25T300046 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 40 | 15026 | Trần Đình       | Đạt   | 25T300016 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 41 | 15027 | Nguyễn Thị      | Dung  | 25T300010 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 42 | 15028 | Nguyễn Thế      | Dũng  | 25T300005 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 43 | 15029 | Ma Thu          | Hiền  | 25T300024 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 44 | 15030 | Đoàn Thị        | Hiền  | 25T300048 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |

Xác nhận:

44

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số file phân thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

**Cán bộ 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt



DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025

Bài đánh giá: Lý thuyết/ Thực hành  
Ngày đánh giá: 21/9/2025

Phòng: 54  
Ca đánh giá: 4

Mã lớp: 251\_IFTE0111\_08  
Hội trưởng: G401

| STT | SBD   | Họ và tên         |        | Mã SV     | Lớp HC    | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|-------------------|--------|-----------|-----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 15031 | Nguyễn Minh       | Hiếu   | 25T300031 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 2   | 15032 | Phan Trung        | Hiếu   | 25T300033 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 3   | 15033 | Nguyễn Thanh      | Hoàng  | 25T300032 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 4   | 15034 | Hà Thị Diệu       | Hương  | 25T300054 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 5   | 15035 | Nguyễn Công       | Huy    | 25T300008 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 6   | 15036 | Vi Quang          | Huy    | 25T300022 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 7   | 15037 | Chu Thị Bích      | Huyền  | 25T300027 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 8   | 15038 | Nguyễn Nam        | Khánh  | 25T300012 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 9   | 15039 | Chúc Hoàng        | Khương | 25T300044 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 10  | 15040 | Nguyễn Tùng       | Lâm    | 25T300036 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 11  | 15041 | Phan Vi           | Linh   | 25T300020 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 12  | 15042 | Lưu Đại           | Long   | 25T300017 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 13  | 15043 | Hoàng Thị         | Luyến  | 25T300029 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 14  | 15044 | Phạm Thị          | Mai    | 25T300047 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 15  | 15045 | Đàm Thị Ngọc      | Mai    | 25T300057 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 16  | 15046 | Nguyễn Trọng Hiếu | Minh   | 25T300021 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 17  | 15047 | Nguyễn Phú        | Nam    | 25T300009 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 18  | 15048 | Dương Trang       | Nga    | 25T300015 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 19  | 15049 | Phạm Văn          | Nghĩa  | 25T300011 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 20  | 15050 | Nguyễn Minh       | Ngọc   | 25T300040 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 21  | 15051 | Nguyễn Văn        | Quang  | 25T300014 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 22  | 15052 | Nguyễn Duy        | Quang  | 25T300039 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 23  | 15053 | Tạ Hoàng          | Son    | 25T300053 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 24  | 15054 | Nguyễn Văn        | Thái   | 25T300056 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 25  | 15055 | Chu Ngọc          | Thanh  | 25T300042 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 26  | 15056 | Vũ Văn            | Thanh  | 25T300043 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 27  | 15057 | Lều Thọ           | Thuận  | 25T300052 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 28  | 15058 | Lê Thị            | Thương | 25T300007 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |

|    |       |              |      |           |           |  |  |  |  |
|----|-------|--------------|------|-----------|-----------|--|--|--|--|
| 29 | 15059 | Nguyễn Thị   | Thủy | 25T300038 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |
| 30 | 15060 | Phạm Thị Thu | Thủy | 25T300004 | K7LQTX1HN |  |  |  |  |

Xác nhận: 30

Có mặt:..... Vắng:.....

Số file phần thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

**Cán bộ 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**KT HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

\* GS, TS Nguyễn Hoàng Việt



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: Lý thuyết/ Thực hành

Phòng: 55

Mã lớp: 251\_IFTE0111\_08

Ngày đánh giá: 21/9/2025

Ca đánh giá: 4

Hội trường: G402

| STT | SBD   | Họ và tên         |       | Mã SV     | Lớp HC    | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|-------------------|-------|-----------|-----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 15061 | Dương Văn         | Toán  | 25T300006 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 2   | 15062 | Nguyễn Thị        | Toàn  | 25T300028 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 3   | 15063 | Hoàng Thị Ngọc    | Trang | 25T300050 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 4   | 15064 | Cao Văn           | Trung | 25T300001 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 5   | 15065 | Mai Quốc          | Tuấn  | 25T300023 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 6   | 15066 | Phạm Thị Hồng     | Vân   | 25T300049 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 7   | 15067 | Nguyễn Thị Thảo   | Vân   | 25T300058 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 8   | 15068 | Nguyễn Tiểu       | Yến   | 25T300026 | K7LQTX1HN |       |         |        |         |
| 9   | 15069 | Nguyễn Hoàng      | Anh   | 25T200001 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 10  | 15070 | Nguyễn Lương Tuấn | Anh   | 25T200038 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 11  | 15071 | Hoàng Việt        | Anh   | 25T200043 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 12  | 15072 | Nguyễn Trọng      | Bách  | 25T200042 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 13  | 15073 | Lê Phương         | Chi   | 25T200007 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 14  | 15074 | Nguyễn Phúc       | Chinh | 25T200029 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 15  | 15075 | Phạm Mạnh         | Cường | 25T200008 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 16  | 15076 | Nguyễn Văn        | Cường | 25T200018 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 17  | 15077 | Lương Thị         | Điệp  | 25T200010 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 18  | 15078 | Nguyễn Hữu        | Định  | 25T200031 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 19  | 15079 | Phùng Khánh       | Dur   | 25T200014 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 20  | 15080 | Nguyễn Hùng       | Dũng  | 25T200026 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 21  | 15081 | Trần Tiến         | Dũng  | 25T200028 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 22  | 15082 | Phạm Khánh        | Duy   | 25T200037 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 23  | 15083 | Phạm Ngọc         | Giang | 25T200013 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 24  | 15084 | Nguyễn Thu        | Giang | 25T200016 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 25  | 15085 | Nguyễn Duyên      | Hiệp  | 25T200040 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 26  | 15086 | Đỗ Trung          | Hiếu  | 25T200003 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 27  | 15087 | Trương Thị        | Hoài  | 25T200036 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 28  | 15088 | Vũ Thị Lan        | Hương | 25T200015 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 29  | 15089 | Nguyễn Như        | Hường | 25T200019 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 30  | 15090 | Nguyễn Thị        | Huyền | 25T200023 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 31  | 15091 | Vương Thị Thanh   | Loan  | 25T200039 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 32  | 15092 | Nguyễn Kim        | Lộc   | 25T200005 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 33  | 15093 | Trần Thị Hồng     | Minh  | 25T200017 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 34  | 15094 | Lưu Ny            | Na    | 25T200020 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 35  | 15095 | Chu Thị Hiếu      | Ngân  | 25T200033 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |

|    |       |                |      |           |          |  |  |  |  |
|----|-------|----------------|------|-----------|----------|--|--|--|--|
| 36 | 15096 | Dương Thị Bích | Ngọc | 25T200025 | K7PTX1HN |  |  |  |  |
| 37 | 15097 | Nguyễn Hồng    | Quân | 25T200044 | K7PTX1HN |  |  |  |  |
| 38 | 15098 | Phạm Tuấn      | Sơn  | 25T200012 | K7PTX1HN |  |  |  |  |

Xác nhận: **38**

Có mặt:..... Vắng:.....

Số file phần thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

**Cán bộ 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Ngày 17 tháng 9 năm 2025

**KT HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS Nguyễn Hoàng Việt**



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: **Lý thuyết/ Thực hành**

Phòng: **56**

Mã lớp: **251\_IFTE0111\_08**

Ngày đánh giá: **21/9/2025**

Ca đánh giá: **4**

Hội trường: **G403**

| STT | SBD   | Họ và tên        |        | Mã SV     | Lớp HC    | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|------------------|--------|-----------|-----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 15099 | Trương Ngọc      | Thanh  | 25T200011 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 2   | 15100 | Nguyễn Phương    | Thảo   | 25T200045 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 3   | 15101 | Dương Văn        | Thiệu  | 25T200030 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 4   | 15102 | Đào Hữu          | Tĩnh   | 25T200002 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 5   | 15103 | Nguyễn Đại       | Tôn    | 25T200027 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 6   | 15104 | Phạm Thị Thu     | Trang  | 25T200032 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 7   | 15105 | Trịnh Ánh        | Tuyết  | 25T200022 | K7PTX1HN  |       |         |        |         |
| 8   | 15106 | Nguyễn Văn       | Anh    | 23T100010 | K1ATX2HN  |       |         |        |         |
| 9   | 15107 | Hoàng An         | Hoà    | 23T100057 | K1ATX4HN  |       |         |        |         |
| 10  | 15108 | Bùi Thế          | Hùng   | 23T140081 | K1ITX1HN  |       |         |        |         |
| 11  | 15109 | Trần Thị         | Hoài   | 24T100026 | K2ATX1HN  |       |         |        |         |
| 12  | 15110 | Nguyễn Văn       | Quý    | 24T100052 | K2ATX1HN  |       |         |        |         |
| 13  | 15111 | Nguyễn Thị Thu   | Trang  | 24T100177 | K2ATX1HN  |       |         |        |         |
| 14  | 15112 | Phạm Văn         | Tuân   | 24T100067 | K2ATX1HN  |       |         |        |         |
| 15  | 15113 | Hoàng Long       | Vũ     | 24T100074 | K2ATX1HN  |       |         |        |         |
| 16  | 15114 | Nguyễn Đình      | Hoàng  | 24T100093 | K2ATX2HN  |       |         |        |         |
| 17  | 15115 | Hoàng Văn        | Hiếu   | 24T100139 | K2ATX3HN  |       |         |        |         |
| 18  | 15116 | Vũ Đình          | Hiếu   | 24T100140 | K2ATX3HN  |       |         |        |         |
| 19  | 15117 | Nguyễn Ngọc      | Huyền  | 24T100143 | K2ATX3HN  |       |         |        |         |
| 20  | 15118 | Bùi Thị Hồng     | Nhung  | 24T100156 | K2ATX3HN  |       |         |        |         |
| 21  | 15119 | Phạm Minh        | Khánh  | 24T120111 | K2CTX1HN  |       |         |        |         |
| 22  | 15120 | Nguyễn Đức       | Khoa   | 24T120018 | K2CTX1HN  |       |         |        |         |
| 23  | 15121 | Nguyễn Văn       | Huy    | 24T300143 | K2LQTX1HN |       |         |        |         |
| 24  | 15122 | Đinh Thị         | Thúy   | 24T300124 | K2LQTX2HN |       |         |        |         |
| 25  | 15123 | Nguyễn Thị Hương | Anh    | 24T100200 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 26  | 15124 | Nguyễn Thị Thuý  | Hà     | 24T100252 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 27  | 15125 | Phạm Thị Hồng    | Hạnh   | 24T100263 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 28  | 15126 | Phạm Minh        | Hiệu   | 24T100255 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 29  | 15127 | Đặng Duy         | Khánh  | 24T100193 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 30  | 15128 | Vũ Thị Thanh     | Loan   | 24T100194 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 31  | 15129 | Trần Thị My      | Ly     | 24T100180 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 32  | 15130 | Nguyễn Hữu       | Phương | 24T100234 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 33  | 15131 | Nguyễn Ngọc      | Tú     | 24T100273 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 34  | 15132 | Nguyễn Thị Quỳnh | Vân    | 24T100242 | K3ATX1HN  |       |         |        |         |
| 35  | 15133 | Kơ Să K Diêu     | Bông   | 24T120165 | K3CTX1HN  |       |         |        |         |

|    |       |               |       |           |          |  |  |  |  |
|----|-------|---------------|-------|-----------|----------|--|--|--|--|
| 36 | 15134 | Nguyễn Đức    | Dương | 24T120181 | K3CTX1HN |  |  |  |  |
| 37 | 15135 | Hán Thị Thanh | Nương | 24T120174 | K3CTX1HN |  |  |  |  |
| 38 | 15136 | Lê Anh        | Quân  | 24T120184 | K3CTX1HN |  |  |  |  |

Xác nhận: **38**

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số file phần thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

**Cán bộ 1**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Ngày 17 tháng 9 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS Nguyễn Hoàng Việt**



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: **Lý thuyết/ Thực hành**

Phòng: **57**

Mã lớp: **251\_IFTE0111\_08**

Ngày đánh giá: **21/9/2025**

Ca đánh giá: **4**

Hội trưởng: **G501**

| STT | SBD   | Họ và tên        |        | Mã SV     | Lớp HC    | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|------------------|--------|-----------|-----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 15137 | Vũ Trường        | Sinh   | 24T120137 | K3CTX1HN  |       |         |        |         |
| 2   | 15138 | Hà Thị Thu       | Trang  | 24T120185 | K3CTX1HN  |       |         |        |         |
| 3   | 15139 | Lưu Linh         | Chi    | 24T140170 | K3ITX1HN  |       |         |        |         |
| 4   | 15140 | Tăng Thị         | Lan    | 24T140169 | K3ITX1HN  |       |         |        |         |
| 5   | 15141 | Đồng Duy         | Lâm    | 24T300154 | K3LQTX1HN |       |         |        |         |
| 6   | 15142 | Hà Văn           | Long   | 24T200111 | K3PTX1HN  |       |         |        |         |
| 7   | 15143 | Nguyễn Mai       | Phương | 24T100311 | K4ATX1HN  |       |         |        |         |
| 8   | 15144 | Nguyễn Thị Thanh | An     | 24T100333 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 9   | 15145 | Hoàng Hà         | Chi    | 24T100346 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 10  | 15146 | Vũ Quốc          | Dũng   | 24T100350 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 11  | 15147 | Phùng Thị        | Hạnh   | 24T100354 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 12  | 15148 | Nguyễn Quốc      | Khánh  | 24T100365 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 13  | 15149 | Trần Thuý        | Linh   | 24T100371 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 14  | 15150 | Nguyễn Tiến Ngọc | Long   | 24T100375 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 15  | 15151 | Phạm Thị         | Mai    | 24T100378 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 16  | 15152 | Nguyễn Đăng      | Ngọc   | 24T100383 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 17  | 15153 | Võ Thị Yến       | Nhi    | 24T100387 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 18  | 15154 | Bùi Ngọc         | Ninh   | 24T100392 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 19  | 15155 | Nguyễn Thị Thu   | Sang   | 24T100397 | K4ATX2HN  |       |         |        |         |
| 20  | 15156 | Nguyễn Thị Ngọc  | Ánh    | 24T120195 | K4CTX1HN  |       |         |        |         |
| 21  | 15157 | Bùi Xuân         | Quyền  | 24T120235 | K4CTX1HN  |       |         |        |         |
| 22  | 15158 | Nguyễn Thị Thu   | Trang  | 24T120251 | K4CTX1HN  |       |         |        |         |
| 23  | 15159 | Nguyễn Quốc      | Việt   | 24T120256 | K4CTX1HN  |       |         |        |         |
| 24  | 15160 | Hoàng Thị        | Điễm   | 24T120271 | K4CTX2HN  |       |         |        |         |
| 25  | 15161 | Trương Văn       | Hiếu   | 24T120278 | K4CTX2HN  |       |         |        |         |

|    |       |                |       |           |          |  |  |  |  |
|----|-------|----------------|-------|-----------|----------|--|--|--|--|
| 26 | 15162 | Nguyễn Công    | Hoan  | 24T120280 | K4CTX2HN |  |  |  |  |
| 27 | 15163 | Mạc Trà        | My    | 24T120301 | K4CTX2HN |  |  |  |  |
| 28 | 15164 | Chu Hạnh Thiên | Trang | 24T120323 | K4CTX2HN |  |  |  |  |

Xác nhận: **28**

Có mặt:..... Vắng:.....

Số file phân thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

**Cán bộ 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 17 tháng 9 năm 2025  
**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**GS, TS Nguyễn Hoàng Việt**



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: Lý thuyết/ Thực hành

Phòng: 58

Mã lớp: 251\_IFTE0111\_08

Ngày đánh giá: 21/9/2025

Ca đánh giá: 4

Hội trường: G502

| STT | SBD   | Họ và tên             | Mã SV     | Lớp HC    | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|-----------------------|-----------|-----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 15165 | Đào Thị Tường Vi      | 24T120328 | K4CTX2HN  |       |         |        |         |
| 2   | 15166 | Trần Hải Yến          | 24T120332 | K4CTX2HN  |       |         |        |         |
| 3   | 15167 | Hà Thuỳ Linh          | 24T140209 | K4ITX1HN  |       |         |        |         |
| 4   | 15168 | Nguyễn Thị Thơm       | 24T140233 | K4ITX1HN  |       |         |        |         |
| 5   | 15169 | Đặng Huyền Trang      | 24T140239 | K4ITX1HN  |       |         |        |         |
| 6   | 15170 | Vũ Việt Chinh         | 24T140248 | K4ITX2HN  |       |         |        |         |
| 7   | 15171 | Nguyễn Thị Thanh Hiền | 24T140256 | K4ITX2HN  |       |         |        |         |
| 8   | 15172 | Đặng Thị Liên         | 24T140267 | K4ITX2HN  |       |         |        |         |
| 9   | 15173 | Ngô Anh Phương        | 24T140278 | K4ITX2HN  |       |         |        |         |
| 10  | 15174 | Đỗ Như Quỳnh          | 24T140280 | K4ITX2HN  |       |         |        |         |
| 11  | 15175 | Trịnh Thị Hồng Thơm   | 24T140285 | K4ITX2HN  |       |         |        |         |
| 12  | 15176 | Phạm Mai Phương       | 24T300243 | K4LQTX1HN |       |         |        |         |
| 13  | 15177 | Nguyễn Thị Thanh Tân  | 24T300262 | K4LQTX1HN |       |         |        |         |
| 14  | 15178 | Đào Duy Thắng         | 24T300263 | K4LQTX1HN |       |         |        |         |
| 15  | 15179 | Hoàng Ngọc Thịnh      | 24T300332 | K4LQTX2HN |       |         |        |         |
| 16  | 15180 | Dương Thị Vân Anh     | 24T200160 | K4PTX1HN  |       |         |        |         |
| 17  | 15181 | Lê Hoàng Yến Nhi      | 24T200204 | K4PTX1HN  |       |         |        |         |
| 18  | 15182 | Phạm Nam Sơn          | 24T200214 | K4PTX1HN  |       |         |        |         |
| 19  | 15183 | Hoàng Văn Thành       | 24T200218 | K4PTX1HN  |       |         |        |         |
| 20  | 15184 | Lê Nguyễn Tuấn        | 24T200228 | K4PTX1HN  |       |         |        |         |
| 21  | 15185 | Đỗ Bảo An             | 24T100410 | K5ATX1HN  |       |         |        |         |
| 22  | 15186 | Phan Hoàng Cẩm        | 24T100416 | K5ATX1HN  |       |         |        |         |
| 23  | 15187 | Vy Ngọc Hoa           | 24T100433 | K5ATX1HN  |       |         |        |         |
| 24  | 15188 | Nguyễn Việt Hoàng     | 24T100436 | K5ATX1HN  |       |         |        |         |
| 25  | 15189 | Đỗ Quỳnh Phương       | 24T100467 | K5ATX1HN  |       |         |        |         |
| 26  | 15190 | Nguyễn Thành Hiếu     | 24T100530 | K5ATX2HN  |       |         |        |         |
| 27  | 15191 | Phạm Minh Hiếu        | 24T100532 | K5ATX2HN  |       |         |        |         |
| 28  | 15192 | Nguyễn Như Hoài       | 24T100536 | K5ATX2HN  |       |         |        |         |

Xác nhận: 28

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số file phần thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

Cán bộ 1  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ 2  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: **Lý thuyết/ Thực hành**

Phòng: **59**

Mã lớp: **251\_IFTE0111\_08**

Ngày đánh giá: **21/9/2025**

Ca đánh giá: **4**

Hội trưởng: **G503**

| STT | SBD   | Họ và tên        | Mã SV     | Lớp HC    | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|------------------|-----------|-----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 15193 | Nguyễn Thị Loan  | 24T100550 | K5ATX2HN  |       |         |        |         |
| 2   | 15194 | Hồ Tiến Tuấn     | 24T120336 | K5CTX1HN  |       |         |        |         |
| 3   | 15195 | Ngô Thị Mai      | 24T120337 | K5CTX1HN  |       |         |        |         |
| 4   | 15196 | Nguyễn Hương     | 24T120351 | K5CTX1HN  |       |         |        |         |
| 5   | 15197 | Cao Hà           | 24T120374 | K5CTX1HN  |       |         |        |         |
| 6   | 15198 | Phạm Thị Hải     | 24T120389 | K5CTX1HN  |       |         |        |         |
| 7   | 15199 | Nguyễn Lan       | 24T120393 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 8   | 15200 | Nguyễn Văn Hoàng | 24T120394 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 9   | 15201 | Nguyễn Ngọc Linh | 24T120401 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 10  | 15202 | Mai Xuân         | 24T120403 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 11  | 15203 | Nguyễn Bá        | 24T120417 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 12  | 15204 | Hoàng Việt       | 24T120418 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 13  | 15205 | Phạm Cẩm         | 24T120431 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 14  | 15206 | Nguyễn Thị       | 24T120433 | K5CTX2HN  |       |         |        |         |
| 15  | 15207 | Hoàng Thị Ngọc   | 24T140301 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 16  | 15208 | Nguyễn Tuấn      | 24T140306 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 17  | 15209 | Nguyễn Tiến      | 24T140329 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 18  | 15210 | Lê Ngọc          | 24T140333 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 19  | 15211 | Bùi Trung        | 24T140334 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 20  | 15212 | Lã Thị Ngọc      | 24T140337 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 21  | 15213 | Nguyễn Khánh     | 24T140341 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 22  | 15214 | Lê Hà            | 24T140356 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 23  | 15215 | Công Hồng        | 24T140359 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 24  | 15216 | Đỗ Thị Thuý      | 24T140363 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 25  | 15217 | Đỗ Linh          | 24T140364 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 26  | 15218 | Lê Thị           | 24T140383 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 27  | 15219 | Lê Thế           | 24T140385 | K5ITX1HN  |       |         |        |         |
| 28  | 15220 | Nguyễn Thị       | 24T300357 | K5LQTX1HN |       |         |        |         |

Xác nhận: **28**

Có mặt:..... Vắng:.....

Số file phần thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

**Cán bộ 1**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ~~17~~ tháng 9 năm 2025  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
  
GS, TS Nguyễn Hoàng Việt



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
ĐỢT THÁNG 9/2025**

Bài đánh giá: Lý thuyết/ Thực hành

Phòng: 60

Mã lớp: 251\_IFTE0111\_08

Ngày đánh giá: 21/9/2025

Ca đánh giá: 4

Hội trường: P601

| STT | SBD   | Họ và tên         |       | Mã SV     | Lớp HC    | Mã đề | Số file | Ký tên | Ghi chú |
|-----|-------|-------------------|-------|-----------|-----------|-------|---------|--------|---------|
| 1   | 15221 | Trần Ngọc         | Lâm   | 24T300380 | K5LQTX1HN |       |         |        |         |
| 2   | 15222 | Nông Hiền         | Lương | 24T300391 | K5LQTX1HN |       |         |        |         |
| 3   | 15223 | Nguyễn Thị Huyền  | Trang | 24T300408 | K5LQTX1HN |       |         |        |         |
| 4   | 15224 | Ngô Xuân          | Bách  | 24T200240 | K5PTX1HN  |       |         |        |         |
| 5   | 15225 | Công Thu          | Hiền  | 24T200259 | K5PTX1HN  |       |         |        |         |
| 6   | 15226 | Vi Thị Thanh      | Huyền | 24T200264 | K5PTX1HN  |       |         |        |         |
| 7   | 15227 | Đinh Thị Mai      | Loan  | 24T200273 | K5PTX1HN  |       |         |        |         |
| 8   | 15228 | Nguyễn Lê Bảo     | Ngọc  | 24T200280 | K5PTX1HN  |       |         |        |         |
| 9   | 15229 | Hoàng Quốc        | Tuân  | 24T200310 | K5PTX1HN  |       |         |        |         |
| 10  | 15230 | Vũ Thu            | Trang | 24T100643 | K6ATX1HN  |       |         |        |         |
| 11  | 15231 | Đỗ Nam            | Anh   | 24T100654 | K6ATX2HN  |       |         |        |         |
| 12  | 15232 | Bùi Đức           | Cường | 24T100658 | K6ATX2HN  |       |         |        |         |
| 13  | 15233 | La Thị Mỹ         | Hạnh  | 24T100663 | K6ATX2HN  |       |         |        |         |
| 14  | 15234 | Nguyễn Văn        | Minh  | 24T100683 | K6ATX2HN  |       |         |        |         |
| 15  | 15235 | Lương Thuý        | Nhung | 24T100688 | K6ATX2HN  |       |         |        |         |
| 16  | 15236 | Đặng Văn          | Thuần | 24T100698 | K6ATX2HN  |       |         |        |         |
| 17  | 15237 | Hoàng Thị         | Xuân  | 24T100713 | K6ATX2HN  |       |         |        |         |
| 18  | 15238 | Nguyễn Văn        | Cường | 24T100721 | K6ATX3HN  |       |         |        |         |
| 19  | 15239 | Hồ Văn            | Đức   | 24T100722 | K6ATX3HN  |       |         |        |         |
| 20  | 15240 | Lê Hoàng          | Anh   | 24T120476 | K6CTX1HN  |       |         |        |         |
| 21  | 15241 | Dương Thị Ngọc    | Ánh   | 24T120477 | K6CTX1HN  |       |         |        |         |
| 22  | 15242 | Trần Hồng         | Hạnh  | 24T120493 | K6CTX1HN  |       |         |        |         |
| 23  | 15243 | Đỗ Lan            | Anh   | 24T120540 | K6CTX2HN  |       |         |        |         |
| 24  | 15244 | Lê Văn            | Chí   | 24T120543 | K6CTX2HN  |       |         |        |         |
| 25  | 15245 | Doãn Tùng         | Lâm   | 24T120574 | K6CTX2HN  |       |         |        |         |
| 26  | 15246 | Nguyễn Quang      | Minh  | 24T120581 | K6CTX2HN  |       |         |        |         |
| 27  | 15247 | Nguyễn Khánh      | Nhi   | 24T120589 | K6CTX2HN  |       |         |        |         |
| 28  | 15248 | Đào Mạnh          | Dũng  | 24T140391 | K6ITX1HN  |       |         |        |         |
| 29  | 15249 | Trần Thị Hương    | Giang | 24T140392 | K6ITX1HN  |       |         |        |         |
| 30  | 15250 | Trần Phú          | Hiệp  | 24T140395 | K6ITX1HN  |       |         |        |         |
| 31  | 15251 | Lã Ngọc           | Son   | 24T140417 | K6ITX1HN  |       |         |        |         |
| 32  | 15252 | Tăng Văn          | Tuấn  | 24T140430 | K6ITX1HN  |       |         |        |         |
| 33  | 15253 | Nguyễn Đình Quỳnh | Anh   | 24T140439 | K6ITX2HN  |       |         |        |         |
| 34  | 15254 | Triệu Hải         | Anh   | 24T140440 | K6ITX2HN  |       |         |        |         |
| 35  | 15255 | Lục Thành         | Công  | 24T140442 | K6ITX2HN  |       |         |        |         |

|    |       |             |       |           |          |  |  |  |  |
|----|-------|-------------|-------|-----------|----------|--|--|--|--|
| 36 | 15256 | Nguyễn Việt | Đức   | 24T140446 | K6ITX2HN |  |  |  |  |
| 37 | 15257 | Chu Thị Mỹ  | Duyên | 24T140452 | K6ITX2HN |  |  |  |  |
| 38 | 15258 | Đỗ Sĩ       | Hải   | 24T200336 | K6PTX1HN |  |  |  |  |
| 39 | 15259 | Phạm Huy    | Hoàng | 24T200341 | K6PTX1HN |  |  |  |  |

Xác nhận: **39**

Có mặt:.....

Vắng:.....

Số file phân thực hành:.....

Số sinh viên vi phạm kỷ luật:.....(Trong đó:.....sinh viên đình chỉ)

**Cán bộ 1**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ 2**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**GS,TS Nguyễn Hoàng Việt**